

**ĐIỂM NÀY CÓ GÌ SAI SÓT THÌ LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI RÕ CỤ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PHÒNG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO**

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOẢ T14XDD

**TÊN HỌC PHẦN: KIẾN TRÚC XÂY DỰNG DD&CN
MÃ HỌC PHẦN : ARC - 391**

**HỌC KỲ 4
TÍN CHỈ 3
LẦN THI 1**

Ngày thi: 07/08/2010

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10		10			20	25		35	100			
1	142210155	NGUYỄN ĐỨC ANH	T14XDD1	9		7.5			5.5	6.5		7	6.8	Sầu pháy Tầm			
2	142210161	KIỀU XUÂN CHIẾN	T14XDD1	6		6			7.5	8		7.5	7.3	Báý pháy Ba			
3	142210163	PHAN HỮU CHUNG	T14XDD1	10		6.5			7.5	6		6.5	6.9	Sầu pháy Chèn			
4	142210164	NGUYỄN VĂN CÔNG	T14XDD1	8		8.5			6	7		6.5	6.9	Sầu pháy Chèn			
5	142210167	LÊ VĂN ĐẠO	T14XDD1	10		8.5			9	9		8.5	8.9	Tầm pháy Chèn			
6	142210176	NGUYỄN DŨNG	T14XDD1	10		6.5			5.5	6.5		6	6.5	Sầu pháy Nàm			
7	142210179	NGUYỄN TRẦN QUANG DUY	T14XDD1	8		7.5			7.5	6		5.5	6.5	Sầu pháy Nàm			
8	142210182	HOÀNG THANH HẢI	T14XDD1	8		7			7	7.5		8.5	7.8	Báý pháy Tầm			
9	142210185	NGUYỄN THẾ HANH	T14XDD1	8		7			2.5	5		4.5	4.8	Bấý pháy Tầm			
10	142210191	NGUYỄN THANH HÒA	T14XDD1	8		6.5			6	6.5		4.5	5.9	Nàm pháy Chèn			
11	142210194	NGUYỄN VĂN HOÀN	T14XDD1	8		6			5	6.5		5	5.8	Nàm pháy Tầm			
12	142210197	TRẦN THANH HÙNG	T14XDD1	6		5.5			6	7		5.5	6.0	Sầu			
13	142210200	NGHIÊM THANH HUƠNG	T14XDD1	8		6			6.5	6		5.5	6.1	Sầu pháy Mắù			
14	142210203	PHAN ANH KHẢ	T14XDD1	10		7.5			7	6.5		6.5	7.1	Báý pháy Mắù			
15	142210209	PHẠM ĐĂNG KHOA	T14XDD1	10		7			7	5.5		7.5	7.1	Báý pháy Mắù			
16	142210212	LÊ VĂN KIÊN	T14XDD1	9		0			6	5		5	5.1	Nàm pháy Mắù			
17	142210215	LƯU CÔNG LÍNH	T14XDD1	10		7.5			7.5	7.5		4	6.5	Sầu pháy Nàm			
18	142210218	NGUYỄN VĂN LỰC	T14XDD1	5		5.5			8	5.5		7.5	6.7	Sầu pháy Báý			
19	142210221	NGÔ ĐỨC LÝ	T14XDD1	8		7.5			6	6		7	6.7	Sầu pháy Báý			
20	142210227	PHAN XUÂN NAM	T14XDD1	10		6			5.5	6.5		5	6.1	Sầu pháy Mắù			
21	142210230	TRỊNH HỒNG NGUYỄN	T14XDD1	10		5.5			7.5	7		7.5	7.4	Báý pháy Bấý			
22	142210233	LƯU HỒNG PHONG	T14XDD1	10		7			5	5		7.5	6.6	Sầu pháy Sầu			
23	142210236	NGUYỄN THANH PHỤNG	T14XDD1	8		6			7.5	5.5		7	6.7	Sầu pháy Báý			
24	142210239	HÀ VĂN TƯỜNG QUANG	T14XDD1	8		6			6.5	4		7	6.2	Sầu pháy Hai			
25	142210245	PHAN TRẦN SỬ	T14XDD1	6		5			5.5	5		4.5	5.0	Nàm			
26	142210248	TRẦN VŨ CÔNG TÂN	T14XDD1	9		6.5			6	5		5	5.8	Nàm pháy Tầm			
27	142210251	NGUYỄN QUỐC THÁI	T14XDD1	3		4			5	6.5		7	5.8	Nàm pháy Tầm			
28	142210254	HỒ VĂN THÀNH	T14XDD1	8		8.5			8.5	9		8.5	8.6	Tầm pháy Sầu			
29	142210257	NGUYỄN QUỐC THỊNH	T14XDD1	6		6.5			4.5	2.5		4	4.2	Bấý pháy Hai			
30	142210260	TRẦN ANH THU	T14XDD1	6		3.5			5.5	5		4	4.7	Bấý pháy Báý			
31	142210263	TRẦN VIỆT THƯƠNG	T14XDD1	10		7			6	6		5	6.2	Sầu pháy Hai			
32	142210266	LÊ VĂN TỊNH	T14XDD1	6		6			3.5	4		5	4.7	Bấý pháy Báý			
33	142210269	TRẦN VĂN TRUNG	T14XDD1	8		7			6.5	5.5		6	6.3	Sầu pháy Ba			
34	142210272	ĐẶNG ANH TRƯỜNG	T14XDD1	6		3			4.5	4.5		4	4.3	Bấý pháy Ba			
35	142210275	PHẠM THANH TÚ	T14XDD1	8		3			3.5	2		5	4.1	Bấý pháy Mắù			
36	142210278	LÊ VĂN TUẤN	T14XDD1	9		7.5			6	6.5		6	6.6	Sầu pháy Sầu			
37	142210281	PHAN ANH TUẤN	T14XDD1	6		5			7	6		7.5	6.6	Sầu pháy Sầu			
38	142210284	PHAN THÀNH TÚY	T14XDD1	7		7			3.5	5		4	4.8	Bấý pháy Tầm			
39	142210287	HỒ TÁN VĨNH	T14XDD1	7		7			7	5.5		8.5	7.2	Báý pháy Hai			
40	142210290	VƯƠNG Ý	T14XDD1	10		7.5			7	7		5.5	6.8	Sầu pháy Tầm			
41	142220297	NGUYỄN HỮU CHUNG	T14XDD1	9		7			6.5	4		7	6.4	Sầu pháy Bấý			
42	142210156	PHAN NGỌC BẢO	T14XDD2	7		5.5			6	6.5		7	6.5	Sầu pháy Nàm			

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ T14XDD

TÊN HỌC PHẦN: KIẾN TRÚC XÂY DỰNG DD&CN
MÃ HỌC PHẦN : ARC - 391

HỌC KỲ 4
TÍN CHỈ 3
LẦN THI 1

Ngày thi: 07/08/2010

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				10		10			20	25		35	100			
43	142210159	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	T14XDD2	8		3			5	4.5		5.5	5.2	Nằm pháy Hai		
44	142210162	NGUYỄN ĐÌNH CHUNG	T14XDD2	10		7.5			7.5	6		8.5	7.7	Báy pháy Báy		
45	142210165	VÔ TẤN CUÔNG	T14XDD2	9		6.5			8.5	9		9	8.7	Tằm pháy Báy		
46	142210168	TRƯƠNG VĂN ĐÁU	T14XDD2	8		6			2.5	6		4	4.8	Bấu pháy Tằm		
47	142210171	CAO VĂN ĐIỀN	T14XDD2	10		7			8	9		8.5	8.5	Tằm pháy Nằm		
48	142210173	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	T14XDD2	9		7			8	7.5		7.5	7.7	Báy pháy Báy		
49	142210174	NGUYỄN TIẾN DOANH	T14XDD2	10		9			7.5	7.5		8	8.1	Tằm pháy Mất		
50	142210177	DƯƠNG TRƯƠNG QUỐC DŨNG	T14XDD2	10		6.5			5.5	6		6.5	6.5	Sầu pháy Nằm		
51	142210180	MAI VĂN GIÁP	T14XDD2	6		6.5			4.5	7.5		8	6.8	Sầu pháy Tằm		
52	142210183	PHẠM MINH HẢI	T14XDD2	10		7.5			5.5	6.5		7.5	7.1	Báy pháy Mất		
53	142210186	VÔ ĐỨC HẠNH	T14XDD2	3		4			3	4.5		6	4.5	Bấu pháy Nằm		
54	142210195	TRẦN MINH HOÀNG	T14XDD2	7		7.5			6	8.5		7.5	7.4	Báy pháy Bấu		
55	142210198	NGÔ PHƯỚC HÙNG	T14XDD2	7		7			8	7		5.5	6.7	Sầu pháy Báy		
56	142210201	NGUYỄN THANH HỮU	T14XDD2	10		7			6.5	6.5		6	6.7	Sầu pháy Báy		
57	142210204	NGUYỄN VĂN KHÁNH	T14XDD2	8		4.5			5.5	6		6.5	6.1	Sầu pháy Mất		
58	142210207	NGUYỄN ANH KHOA	T14XDD2	6		5.5			5	5		7	5.9	Nằm pháy Chèn		
59	142210210	PHẠM QUỐC KHUÔNG	T14XDD2	10		6			8	7		7.5	7.6	Báy pháy Sầu		
60	142210213	NGUYỄN VĂN LÀO	T14XDD2	9		7			7.5	6		7.5	7.2	Báy pháy Hai		
61	142210216	NGUYỄN HOÀNG LONG	T14XDD2	9		2			6.5	6		6	6.0	Sầu		
62	142210219	LÝ ĐÌNH LỰC	T14XDD2	8		7			6.5	5.5		7	6.6	Sầu pháy Sầu		
63	142210222	TRẦN THẾ MÃNH	T14XDD2	4		5.5			7	7		7	6.6	Sầu pháy Sầu		
64	142210225	HỒ VĂN MINH	T14XDD2	10		7.5			7	4		5	5.9	Nằm pháy Chèn		
65	142210228	LÊ VIỆT NGHĨA	T14XDD2	8		6.5			5	5.5		5	5.6	Nằm pháy Sầu		
66	142210231	NHAN NGỌC NHIỆM	T14XDD2	6		7			5	5		5	5.3	Nằm pháy Ba		
67	142210234	TRƯƠNG PHONG	T14XDD2	6		7.5			7	6.5		8.5	7.4	Báy pháy Bấu		
68	142210240	VÔ NGỌC QUANG	T14XDD2	7		7.5			7.5	6		6.5	6.7	Sầu pháy Báy		
69	142210243	PHẠM XUÂN SINH	T14XDD2	8		8.5			7	7.5		7	7.4	Báy pháy Bấu		
70	142210246	BÙI MINH TÁ	T14XDD2	10		4			5	5		4.5	5.2	Nằm pháy Hai		
71	142210249	BÙI HUỲNH TẤN	T14XDD2	10		6.5			7	7		6.5	7.1	Báy pháy Mất		
72	142210252	LÊ ANH THẮNG	T14XDD2	10		8			8	7		7.5	7.8	Báy pháy Tằm		
73	142210255	NGUYỄN TRỌNG THI	T14XDD2	9		5.5			5.5	5.5		4.5	5.5	Nằm pháy Nằm		
74	142210258	NGUYỄN VĂN THOẠI	T14XDD2	10		6			7	5		5	6.0	Sầu		
75	142210261	TRẦN PHƯỚC THUẬN	T14XDD2	8		7			4.5	4		4.5	5.0	Nằm		
76	142210264	VÔ HỮU TÍN	T14XDD2	5		0			5	5		5	4.5	Bấu pháy Nằm		
77	142210267	PHAN THANH TOÀN	T14XDD2	9		6			4	4.5		4	4.8	Bấu pháy Tằm		
78	142210270	TRẦN THẾ TRUNG	T14XDD2	8		7			6.5	4.5		5	5.7	Nằm pháy Báy		
79	142210273	TRẦN VĂN TRUYỀN	T14XDD2	10		8			7.5	7.5		8	8.0	Tằm		
80	142210276	HỒ SỸ TƯ	T14XDD2	9		4			3	5		4	4.6	Bấu pháy Sầu		
81	142210279	NGUYỄN ANH TUẤN	T14XDD2	9		7.5			6	7		7.5	7.2	Báy pháy Hai		
82	142210282	ĐẶNG VĂN TUẤT	T14XDD2	9		7			6	6		7	6.8	Sầu pháy Tằm		
83	142210291	TRẦN THANH ẮN	T14XDD2	4		5.5			5.5	7		6.5	6.1	Sầu pháy Mất		
84	142210157	ĐỖ VĂN BÌNH	T14XDD3	6		3.5			4.5	4		4	4.3	Bấu pháy Ba		
85	142210160	NGUYỄN KÔNG CHÁNH	T14XDD3	5		4			5.5	4		5	4.8	Bấu pháy Tằm		
86	142210166	NGUYỄN TẤN CUÔNG	T14XDD3	10		7.5			7.5	6		7.5	7.4	Báy pháy Bấu		
87	142210169	NGUYỄN ĐẾN	T14XDD3	9		5			5.5	4.5		4.5	5.2	Nằm pháy Hai		
88	142210172	PHAN ĐÌNH DIỆP	T14XDD3	9		7			7	7.5		8	7.7	Báy pháy Báy		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ T14XDD

TÊN HỌC PHẦN: KIẾN TRÚC XÂY DỰNG DD&CN
MÃ HỌC PHẦN : ARC - 391

HỌC KỲ 4
TÍN CHỈ 3
LẦN THI 1

Ngày thi: 07/08/2010

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10		10			20	25		35	100			
89	142210175	NGUYỄN ĐỨC DU	T14XDD3	9		5.5			5	5		4	5.1	Nằm pháp	Mất		
90	142210178	NGUYỄN ĐÌNH DUY	T14XDD3	9		6.5			7.5	5.5		7.5	7.1	Báý pháp	Mất		
91	142210181	NGUYỄN VĂN HÀ	T14XDD3	4		5			4.5	5.5		V	0.0	Khăng			
92	142210184	NGUYỄN THÀNH HẢI	T14XDD3	8		6.5			5.5	6.5		5	5.9	Nằm pháp	Chèn		
93	142210187	LÊ QUỐC HIỂN	T14XDD3	6		6.5			6	7		6.5	6.5	Sầu pháp	Nằm		
94	142210190	LÊ VĂN LƯƠNG HỒ	T14XDD3	8		5			5	6.5		7	6.4	Sầu pháp	Bất		
95	142210193	ĐÌNH XUÂN HOÀI	T14XDD3	5		4.5			5.5	6		5.5	5.5	Nằm pháp	Nằm		
96	142210196	ĐÌNH VĂN HUỆ	T14XDD3	8		8			5	7		6	6.5	Sầu pháp	Nằm		
97	142210199	NGUYỄN HUY HÙNG	T14XDD3	8		6.5			7.5	7.5		6.5	7.1	Báý pháp	Mất		
98	142210202	TRẦN VŨ NHẬT HUY	T14XDD3	4		6			2.5	0		V	0.0	Khăng			
99	142210205	TRẦN NGỌC KHÁNH	T14XDD3	3		4.5			0	6.5		5	4.1	Bất pháp	Mất		
100	142210214	NGUYỄN DUY LINH	T14XDD3	5		4.5			1	3		3.5	3.1	Ba pháp	Mất		
101	142210217	TRƯƠNG NGỌC LONG	T14XDD3	9		6			7	6		6.5	6.7	Sầu pháp	Báý		
102	142210220	LƯƠNG VĂN LÝ	T14XDD3	8		7			8.5	8		8	8.0	Tam			
103	142210223	NGUYỄN TRẦN MINH	T14XDD3	8		6			6	5.5		7	6.4	Sầu pháp	Bất		
104	142210226	VÔ VĂN MỸ	T14XDD3	8		7			6	6		6.5	6.5	Sầu pháp	Nằm		
105	142210229	TRẦN ĐỨC NGUYỄN	T14XDD3	8		7			6.5	7		7.5	7.2	Báý pháp	Hai		
106	142210232	NGUYỄN THÀNH NHƯ	T14XDD3	8		4.5			4.5	4		6	5.3	Nằm pháp	Ba		
107	142210235	LÊ VĂN PHÒNG	T14XDD3	8		5			3.5	6.5		5	5.4	Nằm pháp	Bất		
108	142210238	TRẦN QUANG	T14XDD3	10		8.5			4.5	4		6.5	6.0	Sầu			
109	142210247	TRƯƠNG VĂN TÁM	T14XDD3	7		7			6	6		6.5	6.4	Sầu pháp	Bất		
110	142210253	NGUYỄN NGỌC THẮNG	T14XDD3	6		0			6	5.5		6	5.3	Nằm pháp	Ba		
111	142210256	PHAN QUỐC THỊNH	T14XDD3	8		9			9	6		7.5	7.6	Báý pháp	Sầu		
112	142210259	PHAN VĂN THU	T14XDD3	9		6			4.5	5		4	5.1	Nằm pháp	Mất		
113	142210265	BÙI ĐỨC TÍN	T14XDD3	8		6			5	4.5		5	5.3	Nằm pháp	Ba		
114	142210268	LÊ ĐỨC TRÍ	T14XDD3	6		7			4.5	6		5	5.5	Nằm pháp	Nằm		
115	142210271	CAO VĂN TRƯỜNG	T14XDD3	8		4			4	3.5		3.5	4.1	Bất pháp	Mất		
116	142210274	TRƯƠNG ANH TÚ	T14XDD3	8		0			3.5	6		5.5	4.9	Bất pháp	Chèn		
117	142210277	NGUYỄN VĂN TUẤN	T14XDD3	8		8			4.5	8		8.5	7.5	Báý pháp	Nằm		
118	142210280	VÔ ĐĂNG TUẤN	T14XDD3	5		7			4.5	7.5		6.5	6.3	Sầu pháp	Ba		
119	142210283	LÊ VĂN TƯƠNG	T14XDD3	10		8			5.5	6.5		6.5	6.8	Sầu pháp	Tam		
120	142210285	NGUYỄN THANH VANG	T14XDD3	6		3			3	4		4.5	4.1	Bất pháp	Mất		
121	142210286	NGUYỄN LƯƠNG VINH	T14XDD3	8		5			6	6		6.5	6.3	Sầu pháp	Ba		
122	142210288	LÊ PHƯỚC VĨNH	T14XDD3	8		4			5	4.5		4.5	4.9	Bất pháp	Chèn		
123	142210289	HUỲNH CHÂU VŨ	T14XDD3	0		0			0	0		V	0.0	Khăng			

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	119	97%	
2	Số sinh viên nợ	4	3%	
TỔNG CỘNG :		123	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 08 năm 2010

PHÒNG ĐÀO TẠO
(ký và ghi rõ họ tên)

Ngày thi: 07/08/2010

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)								ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ
				10		10			20	25		35	100	

Nguyễn Kim Đức

Trương Văn Tâm

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

Nguyễn Ân